



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 201 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 17/TTr-STP ngày 06/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành; Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung; Danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Tư pháp

a) Đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung cụ thể của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử của Sở và niêm yết công khai tại cơ quan.

b) Gửi nội dung TTHC đến Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung.

c) Thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

d) Tiếp nhận và giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này đối với lĩnh vực quốc tịch, hộ tịch, nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC đối với các TTHC mới ban hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử nội bộ giải quyết TTHC và đăng tải công khai nội dung cụ thể TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung TTHC theo quy định; tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định pháp luật và nội dung công bố tại Quyết định này đối với lĩnh vực chứng thực, hộ tịch, nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các TTHC trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC(Thu).



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Tuấn

Phụ lục

DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH; DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ DANH MỤC TTHC BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC, NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực hộ tịch					
01	Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã thông qua các cách thức sau: - Nộp trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ:	- Phí (phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) - Lệ phí: Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			dichvucong.gov.vn hoặc https://dichvucong.quangngai.gov.vn		dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/06/2024 của Bộ trưởng Bộ tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
02	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả giải quyết tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã thông qua các cách thức sau: - Nộp trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc https://dichvucong.quangngai.gov.vn	- Phí (phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám sát việc giám hộ nếu có yêu cầu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.) - Lệ phí: Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	pháp. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/06/2024 của Bộ trưởng Bộ tư pháp. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.

II. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ VÀ TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG (06 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Lĩnh vực chứng thực (06 TTHC)							
01	2.000908 .000.00.0 0.H48	Cấp bản sao từ sổ gốc	- Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. - Trường hợp gửi qua đường bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.	- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “<i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử</i>” trong thành phần hồ sơ.

						- Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Nội dung của thủ tục này được điều chỉnh theo hướng nhập thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (mã TTHC: 2.000843) vào thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ							
					- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ		2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.		- Trường hợp chứng thực UBND cấp xã, Phòng Tư pháp cấp huyện thì nộp trực tuyến thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; - Trường hợp chứng thực	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ		02
							2.000843 2.000.00.0 0.H48						

		quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	tại tổ chức hành công chứng thì nộp trực tiếp tại tổ chức hành công chứng.		bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng	quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (mã TTHC: 2.000815). - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
--	--	---	--	--	--	---	---

					công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.	- Thay thế cụm từ “Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/The căn cước công dân/The căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử” trong thành phần hồ sơ.
			Trường hợp chứng thực tại UBND cấp xã, Phòng Tư pháp cấp huyện thì nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện; trường hợp chứng thực chức năng hành nghề công chứng ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
		Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.				
	Chúng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	2.000884 .000.00.0 0.H48	03			

				yêu cầu chứng thực gia không thể đi lại đang bị tạm giữ, giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.			trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
04	2.000913 .000.00.0 0.H48	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày tiếp quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế

			thực.			chính.	còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử". - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
05	2.000927 .000.00.0 0.H48	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài	- Thay thế cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng" bằng cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/The căn cước công dân/The căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng

						hoặc Căn cước điện tử". - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.	chính.				- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thay thế cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng" bằng cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện
06	2.000942 .000.00.0 0.H48	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của cấp xã, cấp huyện	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí tính theo trang của bản chính.	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí tính theo trang của bản chính.				- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thay thế cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng" bằng cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện

						<i>tử” trong thành phần hồ sơ.</i> <i>- Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.</i>
--	--	--	--	--	--	---

III. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI, QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (09 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục/hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Lĩnh vực nuôi con nuôi (04 TTHC)							
01	1.003976.000.00.00.H48	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	- Thời gian Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: - Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Cơ quan chủ quản cho ý kiến, Cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi	- Lệ phí : 9.000.000 đồng/trường hợp. - Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột	- Luật Nuôi con nuôi. - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của	- Bổ sung trình tự, cách thức thực hiện (lập hồ sơ trẻ em, tìm gia đình

			con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho	dưỡng gửi Sở Tư pháp kèm theo văn bản cho ý kiến; - Hồ sơ của người nhận con nuôi: Nếu người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam thì nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam. Đối với trường hợp người	làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài. - Chi phí 50.000.000 đồng/trường hợp. Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi. - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	thay thế). - Bổ sung việc xác minh nguồn gốc trẻ em và việc liên quan đến mua bán người. - Bổ sung UBND xã có văn bản thông báo kết quả niêm yết việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài tại địa phương. Văn bản thể hiện ý kiến của
--	--	--	---	--	---	--	--

			trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được	Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh, nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) Trường hợp có ý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi), người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) qua đường bưu điện theo hình thức gửi bảo đảm.		điều của các Nghị định về nuôi con nuôi. - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài. - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Văn bản lấy ý kiến cha mẹ đẻ (nếu có). - Bổ sung nội dung Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam/Cơ
--	--	--	---	---	--	--	---

			kết quả xác minh (đối với Sổ Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sổ Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em). - Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí. - Thời gian Sổ Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp			và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Thông tư liên tịch số 146/2012/TT-LT-BTC-BTP ngày 7/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Bộ trưởng Bộ	quan Trung ương về nuôi con của nơi người nhận con nuôi thường trú/Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước người nhận con nuôi thường trú tại Việt Nam; Nếu cần thiết, Bộ Tư pháp lấy ý kiến của chuyên gia
--	--	--	---	--	--	---	--

			tình có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý. - Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho Bộ Tư pháp 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản			Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài. - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày	tâm lý, ý tế, gia đình, xã hội để xác định người nhận con nuôi có điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi. - Bổ sung việc Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài. - Bổ sung trình tự, cách thức đối với
--	--	--	--	--	--	---	--

			đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý. - Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp. - Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em			21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt	Trường hợp nhận đích danh trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo; Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài và tổ chức lễ giao nhận con nuôi. - Bổ sung việc Bộ Tư pháp chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo
--	--	--	--	--	--	---	--

			được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.		động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số	đúng quy định của Luật Nuôi con nuôi và điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên để gửi cơ quan, tổ chức thẩm quyền của nước ngoài, nếu có yêu cầu. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định
--	--	--	--	--	--	--

						07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định về nuôi con nuôi.
							- Bổ sung trình tự, cách thức thực hiện (lập hồ sơ trẻ em, tìm gia đình thay thế).
02	1.004878.000.00.00.H48	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận	Thời gian thực hiện: - Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp:	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính - Hồ sơ của người nhận con nuôi: nộp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) thông qua các hình thức: Nộp	- Lệ phí : 4.500.000 đồng/trường hợp nhận 01 trẻ. - Chi phí: Không quy định		

	con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và	hồ sơ trực tiếp tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi); ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi) hoặc nộp qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm cho Bộ Tư pháp (Vụ Con nuôi); - Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.			- Bổ sung việc Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài. - Bổ sung trình tự, cách thức Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài và tổ chức lễ giao nhận con nuôi. - Thay đổi mức phí: 4.500.000 đồng/ trường hợp.
--	---	--	--	--	--	---

			nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.				
03	1.003179. 000.00.00. H48	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh; số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	Không	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của	- <i>Bổ sung cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc</i>

			- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn hoặc https://dichvucong.quangnai.gov.vn		Chính phủ. - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ.	đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ.	ky con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định về nuôi con nuôi.
--	--	--	--	--	---	--	---

					- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư liên tịch số 146/2012/TT LT-BTC-BTP ngày 7/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 267/2016/TT-	
--	--	--	--	--	---	--

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

			trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.	tuyển tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn hoặc https://dichvucong.quechuongai.gov.vn		số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính	<i>năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi.</i>
--	--	--	---	---	--	--	---

						phủ. - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
Lĩnh vực quốc tịch (05 TTHC)							
01	2.001895. 000.00.00. H48	Thủ tục cấp Giấy xác nhận người Việt Nam	05 ngày làm việc.	Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh, số 54, đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	- Phí : 100.000 đồng - Miễn phí đối với: Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Thông tư số	

				Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.)	02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.
				3.000.000 đồng - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
				Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh, số 54, đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa
02	2.002039. 00.00.0. H48	Nhập tịch Quốc tịch Việt Nam	115 ngày		

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	(phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã	
--	--	--	--	--	--	--

04	2.002036. 000.00.00. H48	Thủ tục thời quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (<i>thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền</i>)	Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh, số 54, đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh, số 54, đường Hùng Vương,	100.000 đồng - Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều			
05	1.005136. 000.00.00. H48	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: + 20 ngày làm việc đối với	- Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh, số 54, đường Hùng Vương,					

			trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; + 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng quốc tịch Việt Nam.	thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; khiếu nại Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.	
--	--	--	---	---	--	--

IV. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI, HỘ TỊCH, CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (20 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Lĩnh vực nuôi con nuôi (01 TTHC)							
01	2.002363.000.00.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Theo mức thu lệ phí Hội	- Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21	Bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến trên

00. H48	con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangngai.gov.vn).	đồng nhân dân cấp quy định (75.000 đồng). - Miễn lệ phí cho người thuộc đình có công cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có	tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ	môi trường điện tử
------------	---	---	---	---	--	-----------------------

					thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/T-TBTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ	
--	--	--	--	--	--	--	--

					trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ số, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	
--	--	--	--	--	--	--

Lĩnh vực hộ tịch (15 TTHC)

01	2.00052 8.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	75.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế -	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính	- Bổ sung việc sử dụng thành phần hồ sơ là Giấy chứng sinh bản điện tử hoặc khai thác dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh.
----	------------------------------------	--	---	--	---	--

				mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn).	xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật; - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung hình thức tra cứu Giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ/ Xác nhận tình trạng hôn nhân của cha, mẹ. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
--	--	--	--	---	--	--	---	---

						ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính	thực;
--	--	--	--	--	--	---	-------

						phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.				
02	2.00080 6.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND	1.500.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước			

				huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	- Bổ sung hình thức tra cứu tình trạng hôn nhân - Bổ sung việc người có yêu cầu đăng ký kết hôn phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân (đối với người nước ngoài), giấy xác nhận của tổ chức y tế khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn), - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
--	--	--	--	--	--	--	---

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

			hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
				- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc cấp UBND huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	1.500.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy	- Nghị định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/ND-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa
04	2.00077 9.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày				

				(https://dichvucong.quangngai.gov.vn).	định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến.	04/01/2022 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	đôi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
05	1.00169 5.000.0 0.00.H4	Đăng ký khai sinh kết hợp	15 ngày	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến	Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/dăng ký; đăng ký nhận,	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày	- <i>Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn</i>

8	đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND huyện.	cha, mẹ con: 1.500.000 đồng/đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/ND-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số	cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận cần cước - Bổ sung trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
---	--	--	---	--	---

						16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
06	1.00166 9.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc cấp UBND huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia quốc (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvuco
ng.quangngai.go
v.vn">https://dichvuco ng.quangngai.go v.vn).	75.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo		- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng

thực;						
	quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	75.000 đồng/dăng ký	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND huyện.	02 ngày làm việc	Đăng ký dứt hồ có yếu tố nước ngoài

						thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	thực; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
						28.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.- Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu	Bộ Tài chính - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
08	2.00074 8.000.0 0.00.H4 8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được thì	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc cấp UBND huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.gov.vn).				

			trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đổi với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.		cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến		thực;
09	2.00218 9.000.0	Ghi vào	12 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ	75.000 đồng/dăng	- Nghị định số	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là

	0.00.H4 8	số hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		buu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc cấp UBND huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvuco
ng.gov.vn">https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvuco
ng.quangngai.go
v.vn">https://dichvuco ng.quangngai.go v.vn).	ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là	
10	2.00055 4.000.0	Ghi vào	12 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ	75.000 đồng/đăng				

	0.00.H4 8	sổ hộ tịch ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco ng.quangngai.go v.vn).	ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
11	2.00054 7.000.0	Ghi vào	Ngay	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ	75.000 đồng/đăng	- Nghị định số	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là

0.00.H4 8	số hộ tịch việc khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì	buu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia quốc (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực	87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
--------------	---	---	---	--	---	--

			thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.		tuyển	- Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	
					75.000 đồng/dăng ký	- Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
12	2.00052 2.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký khai có tố lại sinh yếu nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia quốc (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).			

						tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến					thực; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của	thực; - Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
13	1.00089 3.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có bản xác minh thì thời gian giải quyết không quá 25 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc cấp UBND huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	75.000 đồng/dăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số	tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến					thực; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của	thực; - Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng

				281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
14	2.00051 3.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố ngoài nước	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvuco
ng.quangngai.go
v.vn">https://dichvuco ng.quangngai.go v.vn).	1.500.000 đồng/dăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.

15	2.00049 7.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc cấp UBND huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn).	75.000 đồng/dăng ký	- Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của	- <i>Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> - <i>Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i>
----	------------------------------------	--	--	---	---------------------	---	--	---

					Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
--	--	--	--	--	--	--

Lĩnh vực chứng thực (04 TTHC)

01	2.00100 8.000.0 0.00.H4 8	Chúng tôi thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công viên dịch vụ của Phòng Tư pháp	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.	10.000 đồng/trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;	- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh
----	------------------------------------	--	---	--	------------------------	---	--

			người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.	dân/Thẻ công dân/Thẻ công dân/Thẻ công dân/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử” trong thành phần hồ sơ. - Bộ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
--	--	--	--	--	--	--	---

					- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “ <i>bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh dân/Theo căn cước công dân/Theo cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử</i> ”.
					- Bổ sung căn

							cư pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
03	2.00105 0.000.0 0.00.H4 8	Chúng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện.	50.000 đồng/văn bản		
							- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công

			thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.				dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử".
							- Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
04	2.00105 2.000.0 0.00.H4	Chứng thực văn bản khai di nhận	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	50.000 đồng/văn bản		- Thay thế cụm từ "bản chính hoặc bản sao có chứng thực

8	sản mà di sản là động sản	đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	thuộc UBND cấp huyện.			Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “ <i>bản chính</i> hoặc bản sao có <i>chứng thực</i> Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử”. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa
---	---------------------------	---	-----------------------	--	--	---

					đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
--	--	--	--	--	---

V. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI, HỘ TỊCH, CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (23 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)							
01	2.00234 9.000.0 0.00.H4 8	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc	- Mức thu lệ phí: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;	- Bổ sung trình tự, cách thức tìm gia đình thay thế cho trẻ em. - Bổ sung cách thức nộp hồ sơ. - Quy định thành phần hồ sơ là Phiếu Lý lịch tư pháp số 1; Đơn đăng ký như câu nhận trẻ em làm con nuôi (đối với

			từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh	Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco ng.quangngai.gov.vn)	cha hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột cháu nhận con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với	- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP	trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi). - Bổ sung hình thức tra cứu Phiếu Lý lịch tư pháp điện tử, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bản điện tử - Quy định rõ thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người được nhận con nuôi (đối với trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau). - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định
--	--	--	--	--	--	---	--

gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú. - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận		cách mạng con nuôi.	ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn
			số 06/2025/ND-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;

			nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.			việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	
2	2.0012 55. 000.00. 00.H48	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.gov.vn)	Không	- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi - Bổ sung cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng; - Bổ sung cách thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến - Bổ sung hình thức trả kết quả điện tử - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các	

					nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp,	<i>Nghị định về nuôi con nuôi;</i>
--	--	--	--	--	---	---

					sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con - nuôi.
--	--	--	--	--	--

Lĩnh vực hộ tịch (16 TTHC)

01	1.0011 93.000. 00.00. H48	Đăng ký khai sinh	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia quốc (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco)	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	- Bổ sung việc sử dụng thành phần hồ sơ là Giấy chứng sinh bản điện tử hoặc khai thác dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh. - Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung hình thức
----	--	--------------------------	--	---	--	--	---

				ng.quangngai.go v.vn)	công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Giấy sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT -BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50%	các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ- CP ngày	tra cứu Giấy chứng nhân kết hôn của cha mẹ/ Xác nhận tình trạng hôn nhân của cha, mẹ. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
--	--	--	--	----------------------------------	--	--	--

					lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HDND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ	
--	--	--	--	--	--	--

						Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ
--	--	--	--	--	--	---

						của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
3	1.0010 22.000. 00.00. H48	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	12.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

				biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HDND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
4	1.0006 89.00.0 0.00.H 48	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký cha, mẹ,	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 7.000 - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước

				đồng/đăng ký; Đăng ký nhận cha, mẹ, con 12.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật..	UBND cấp xã.	con	07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	- Bổ sung trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy chứng sinh hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy chứng sinh thì không phải nộp bản giấy. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
--	--	--	--	--	---------------------	------------	---	--	---

				- Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến		- Bổ sung trường hợp người yêu cầu đã nộp bản điện tử Giấy báo tử hoặc cơ quan đăng ký hộ tịch đã khai thác được dữ liệu điện tử có ký số của Giấy báo tử thì không phải nộp bản giấy. - Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
5	1.0006 56.000. 00.00. H48	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia quốc (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	- Đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/đăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP

					một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	thực;
6	1.0048 37.000. 00.00. H48	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc	- Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước

				UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/ND-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số	- Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
--	--	--	--	--	---	---	---

					ngày 02/8/2023 tịch, quốc tịch, chứng của Bộ trưởng Bộ thực; Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HDND ngày 18/6/2024 của HDND tỉnh Quảng Ngãi.	
		- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công gia quốc (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco	12.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
8	1.0048 59.000. 00.00. H48	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch				

				mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	ng-quangngai.gov.vn).	có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu	ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	thực;
--	--	--	--	---	------------------------------	--	--	--------------

				nộp hồ sơ trực tuyến	12.000 đồng/lần	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước
					- Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.	- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ	- Bổ sung căn cứ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước
						- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ	- Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
9	1.0048 73.000. 00.00. H48	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvuco
ng.quangngai.go
v.vn">https://dichvuco ng.quangngai.go v.vn).	- Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp	
						- Thông tư số 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính	
						- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ	

					trực tuyến	Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	
					7.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, bảo đảm đồng dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
					- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.gov.vn).		
					05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày		
					Đăng ký lại khai sinh		
					1.0048 84.000. 00.00. H48		
					10		

				hội đặc biệt khó khăn và một số đối tương đặc biệt theo quy định của pháp luật.	- Thông tư số 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính	
				- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT -BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
				- Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	- Nghị quyết số 16/2024/NQ- HDND ngày 18/6/2024 của HDND tỉnh Quảng Ngãi.	
11	1.0047 72.000. 00.00. H48	Đăng ký khai sinh cho người đã mình thì thời hạn	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp 7.000 đồng/lần - Miễn lệ phí	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận

		có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	giải quyết không quá 25 ngày	nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.gov.vn).	cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số	Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số	của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ	căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
--	--	---------------------------	------------------------------	---	--	--	--	--

				281/2016/TT -BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ- HDND ngày 18/6/2024 của HDND tỉnh Quảng Ngãi.		
12	1.0047 46.000. 00.00. H48	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuc o ng.quangngai.go v.vn).	24.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối	- Nghị định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/ND-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận cần cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/ND-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tích, quốc tịch, chứng thực;

					tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số
13	1.0054 61.000. 00.00. H48	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	7.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, có người có	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số	

			quốc gia (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco ng.quangngai.gov.vn).	công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50%	104/2022/ND-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HDND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
--	--	--	--	---	--	--

				pháp luật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. - Giảm 50% lệ phí nếu nộp hồ sơ trực tuyến	của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HDND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.		
15	1.0005 93.000. 00.00. H48	Đăng ký kết hôn lưu động	5 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Miễn lệ phí	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025

				quốc gia (https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvuco ng.quangngai.go
v.vn">https://dichvuco ng.quangngai.go v.vn).			104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	<i>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i>
--	--	--	--	---	--	--	--	--

				- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvuco.ng.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvuco.ng.quangngai.go.v.vn).	- Đăng ký khai tử không đúng hạn: 7.000 đồng/dăng ký - Miễn lệ phí cho Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật. - Phí cấp bản	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
16	1.0004 19.000. 00.00. H48	Đăng ký khai tử lưu động	5 ngày làm việc				

		dùng đất, nhà ở	Kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực			ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử”; - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
02	2.0010 19.000. 00.00. H48	Chúng di thực chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	50.000 đồng/di chúc	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ - Thông tư số 01/2020/TT-BTP	- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn

			giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực			ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử”; - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
03	2.0010 16.000. 00.00. H48	Chứng thực văn bản chối nhận sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	50.000 đồng/văn bản		- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ

			người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực			cần cước/Giấy chứng nhận cần cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Cần cước điện tử”; - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
04	2.0014 06.000. 00.00. H48	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP - Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/The cần cước công dân/The cần cước/Giấy chứng

			sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định	nhận căn cước/Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử”; - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
05	2.0010 09.000. 00.00. H48	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	50.000 đồng/văn bản	23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định	- Thay thế cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng” bằng cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ

						chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử”. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
			mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.			
			hệ ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			

**VI. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ
CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN (02 TTHC)**

STT	Mã số TTHC	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
01	2.000635.000.00.00.H48	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện/xã; - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	Lệ phí: 8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.)	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.	- Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước.
						- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021	- Bổ sung - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

						của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 16/2024/NQ-HDND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.	một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
						- Không thực hiện tại cấp xã. - Bổ sung Giấy tờ tùy thân là Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước. - Bổ sung căn cứ pháp lý: Nghị định số	
			- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangngai.gov.vn)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.			
			Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch				
			2.002516. 000.00.00. H48				
			02				

							07/2025/N Đ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
--	--	--	--	--	--	--	--

VII. DANH MỤC TTHC BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (01 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ TTHC	Ghi chú
Lĩnh vực chứng thực				
01	2.000843. 000.00.00. H48	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Nội dung thủ tục đã được gộp vào mã 2.000815 để

		ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp.
--	--	---	--	--------------------------------------